

Bản án số 02/2019/HC-PT

Ngày 02-8-2019

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
và hành vi hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai (*quyết định cưỡng chế
và hành vi hành chính trong cưỡng chế
thu hồi đất.*)

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Bà Trịnh Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Huệ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 04/2017/TLPT-HC ngày 25 tháng 10 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai (quyết định cưỡng chế và hành vi hành chính trong cưỡng chế thu hồi đất).

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2019/QĐPT-HC ngày 24 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐ-PT ngày 11/7/2019 giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông Bùi Hữu C (tên gọi khác: Bùi Duy C), sinh năm 1962. (Có mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Xuân T - Luật sư Văn phòng luật sư Đ - Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án không có lý do)

Địa chỉ: P2..., Tòa nhà VP.. bán đảo L, H, M, TP Hà Nội.

2. **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Th, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Thị trấn H, huyện Th, tỉnh Hải Dương

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Th - Ông Trịnh Văn Th, là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện theo Văn bản ủy quyền ngày 18-10-2016, nay ông Thiện là Chủ tịch UBND huyện Th. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thị trấn H, huyện Th, tỉnh Hải Dương.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962. (Có mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương

4. Người kháng cáo: Ông Bùi Hữu C (tên gọi khác: Bùi Duy C), sinh năm 1962. (Có mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện Th, tỉnh Hải Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình xét xử, người khởi kiện là ông Bùi Hữu C trình bày: Ngày 12-3-2015, Chủ tịch UBND huyện Th ban hành Quyết định số 1905/QĐ-UBND (viết tắt là 1905) về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông theo Quyết định thu hồi đất số 6790/QĐ-UBND (viết tắt là 6790) ngày 23-12-2011 của UBND huyện Th. Ngày 25-3-2015, Ban cưỡng chế đã thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông. Ông xác định Quyết định hành chính số 1905 và hành vi thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình ông là sai pháp luật nên ông khởi kiện Quyết định hành chính số 1905 và hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện Th nêu trên.

Các căn cứ do người khởi kiện chứng minh:

1. Chủ tịch UBND huyện Th ban hành Quyết định hành chính số 1905/QĐ-UBND ngày 12-3-2015 cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình ông khi không có đủ các điều kiện pháp luật quy định:

- Về trình tự, thủ tục:

+ Trước khi khởi kiện vụ án này, hộ gia đình ông đã nhận được Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 3295 ngày 28-9-2012 của UBND huyện Th, đã khởi kiện vụ án hành chính và được 2 cấp Tòa án tỉnh Hải Dương xét xử. Theo đó, cả 2 bản án sơ thẩm và phúc thẩm đều xác định trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ chưa đảm bảo đúng quy định tại Nghị định 69 ngày 13-8-2009. Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính, UBND huyện Th nhận thức sai sót này nên đã ban hành Quyết định số 1797 ngày 14-5-2013 thu hồi Quyết định số 3295 ngày 28-9-2012. Nhưng sau đó, UBND huyện Th không thực hiện các công việc bắt buộc phải làm mà chỉ niêm yết công khai các phương án bồi thường đối với các hộ dân và có nhiều tổ công tác đến vận động gia đình ông bàn giao đất để làm đường 390.

+ Thu hồi không đúng loại đất, không đủ diện tích đất của hộ gia đình ông phục vụ việc cải tạo đường 390. Cụ thể: Căn cứ kết quả đo vẽ hiện trạng do Trung tâm Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương thực hiện tháng 10/2016 thì diện tích đất của hộ gia đình ông hiện trạng giảm 75,1m² so với hiện trạng đo vẽ máy xác định năm 2008. Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Th thực hiện kiểm kê, đo vẽ, kiểm đếm diện tích đất, tài sản trên đất của hộ gia đình ông không chính xác, UBND huyện Th ra Quyết định số 6790 ngày 23-12-2011 ghi thu hồi 34,08m², xác định loại đất ao là không chính xác. Các tài liệu mà UBND huyện giao cho gia đình ông và giao nộp Tòa án về kiểm kê (biên bản kiểm kê số 28 ngày 17-9-2010) cùng một biên bản mà có nhiều nội dung khác nhau, không bảo đảm tính khách quan, không có giá trị pháp lý. Căn cứ hồ sơ địa chính do địa phương quản lý, các tài liệu đã thu thập thì thể hiện đất của gia đình ông là đất ở nông thôn.

+ Tại thời điểm thu hồi đất của hộ gia đình ông phải thực hiện theo Luật đất đai 2003 và các nghị định có liên quan, theo đó quyết định thu hồi đất phải

ban hành trước quyết định phê duyệt phương án bồi thường, nội dung quyết định phải thu hồi đúng, đủ diện tích đất, loại đất phải thu hồi. Nhưng ngày 23-12-2011, UBND huyện Th ban hành Quyết định số 6790 thu hồi 34,08m² đất của hộ gia đình ông là không đúng diện tích thực tế đã sử dụng khi cải tạo, nâng cấp đường 390. Con số đúng là kết quả của việc đo của Trung tâm Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương là 75,1m². UBND huyện Th tiến hành đo vẽ để thu hồi từ tháng 9-2010, đến ngày 18-01-2012 khi gia đình ông yêu cầu thì UBND huyện mới giao Quyết định số 6790. Trong khi đó thì phương án bồi thường đã duyệt ngày 02-10-2010 (tiến hành trước khi có quyết định thu hồi đất).

- Chính phủ bắt đầu quy định về hành lang an toàn giao thông theo Nghị định 203 ngày 21-12-1982, quy định cơ quan quản lý tuyến đường phối hợp UBND cấp xã tổ chức cắm mốc chỉ giới an toàn giao thông, từ khi cắm mốc giới mà ai vi phạm hành lang giao thông thì người đó phải chịu trách nhiệm, không được xây dựng công trình. Nhưng ngược lại, trước khi công bố mốc giới trên thực địa thì người dân không vi phạm. Đất nhà ông C sử dụng ổn định, hợp pháp từ những năm 1960, hiện trạng khi đó đã giáp đường 390 nên không vi phạm về đất hành lang giao thông. Tại biên bản lập ngày 26-7-1995 về kiểm tra thực hiện Pháp lệnh bảo vệ công trình giao thông mới thể hiện các mốc giới nên ông C mới biết nhà ông làm trên đất hành lang giao thông. Theo quy định Điều 16 Nghị định 197 ngày 03-12-2004 nếu xác định hộ ông C có đất hành lang giao thông thì cũng phải xác định đền bù thu hồi đất.

- Quyết định hành chính số 1905 áp dụng Luật đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014 là không phù hợp vì nội dung của Quyết định số 1905 là cưỡng chế thu hồi đất của hộ gia đình ông, vì gia đình ông bị thu hồi đất theo Quyết định số 6790 ngày 23-12-2011 nên phải vận dụng Luật đất đai năm 2003 và Nghị định số 69 năm 2009. Do xác định Quyết định thu hồi đất số 6790 là không đúng pháp luật nên Quyết định số 1905 thực hiện cưỡng chế Quyết định thu hồi đất cũng không đúng pháp luật.

2. Căn cứ xác định hành vi thực hiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1905 ngày 12-3-2015 của Chủ tịch UBND huyện Th là trái pháp luật:

- Do Quyết định số 1905 được xác định là sai nên hành vi thực hiện quyết định đó cũng được xác định là sai.

- Ông không nhận được văn bản nào về ban cưỡng chế hoặc tổ chức thực hiện cưỡng chế; Quyết định số 1905 cũng không ghi cụ thể tên, chức vụ người thực hiện cưỡng chế và lúc cưỡng chế không công khai tên và chức vụ của người thực hiện nên ông xác định hành vi hành chính là hành vi chỉ đạo thực hiện của Chủ tịch UBND huyện Th.

- Sáng ngày 25-3-2015, ông không trực tiếp có mặt ở nhà, sau đó chỉ nghe kể lại và xem video ghi hình thì được biết: lực lượng cưỡng chế sử dụng loa chạy pin đọc, nói, vài trăm người có mặt, các lối từ đường 390 rẽ vào xã H, Th và các ngõ vào xã T, vào chùa đều đông người chốt chặn. Một số cán bộ đeo băng đỏ cho một số người dùng cưa máy, dùng điện từ máy nổ cưa, máy cuốc phá hết 06 cây nhãn trên đất của hộ gia đình ông, phá cửa và tường nhà ông. Từng tốp từ 2 đến 10 người khiêng ép vợ chồng ông, con gái cùng hai cháu nhỏ đi bộ đến UBND xã T có khoảng 50 người canh giữ. Khoảng hơn 13 giờ, ông về nhà đã thấy đường cống thoát nước được đào đặt vào phần đất của gia đình.

3. Tại các đơn khởi kiện và bản tự khai ông C có ghi: "*về thiệt hại vật chất và tổn thất tinh thần, tôi sẽ thu thập tài liệu và bổ sung cụ thể*", đến thời điểm Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, người khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn không có yêu cầu bồi thường.

Ngay sau khi ban hành quyết định hành chính số 1905/QĐ-UBND ngày 12-3-2015, đến ngày 25-3-2015 hành vi tổ chức cưỡng chế được thực hiện, hộ gia đình ông nhận biết được và không khiếu nại.

Ngày 11-6-2015, ông Cung khởi kiện yêu cầu Tòa án xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính số 1905 ngày 12-3-2015 của Chủ tịch UBND huyện Th về việc cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông và hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện Th thực hiện cưỡng chế thu hồi đất; Vì Quyết định hành chính số 1905 và hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện Th là trái pháp luật nên đề nghị Tòa án buộc UBND huyện Th thực hiện lại công việc theo Nghị định số 69 về bồi thường giải phóng mặt bằng (kiểm đếm chính xác, ban hành quyết định thu hồi đất cùng phương án bồi thường theo đúng quy định của pháp luật).

Bà Nguyễn Thị M là vợ ông C được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí với yêu cầu khởi kiện và các căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện mà ông C đưa ra.

Theo bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

1. Đối với Quyết định hành chính số 1905:

-Thẩm quyền ban hành: UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. Trường hợp người có đất thu hồi đã được vận động, thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch UBND cấp huyện Quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định. Chủ tịch UBND huyện Th ban hành Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế là đúng thẩm quyền.

-Về hình thức của Quyết định số 1905 đã tuân thủ đúng thể thức ban hành văn bản do Nhà nước quy định, theo mẫu của Thông tư 30/2014/TT-BTNMT.

- Áp dụng pháp luật: Căn cứ khoản 3 Điều 98; khoản 7 Điều 124 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; khoản 2 Điều 66, điểm d khoản 3 Điều 69; khoản 1 Điều 70, khoản 1,2,3 Điều 71 Luật đất đai 2013; Điều 102 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, Điều 35 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, Điều 30 Quyết định 37/2014/QĐ-UBND ngày 22-12-2014 của UBND tỉnh Hải Dương, UBND huyện áp dụng là đúng luật.

-Nội dung: Theo quy định tại khoản 2 điều 71 Luật đất đai 2013 cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất được thực hiện khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:Người có đất thu hồi không chấp hành quyết định thu hồi đất sau khi UBND cấp xã, UBNDTTQ Việt Nam cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng đã vận động thuyết phục;Quyết định định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đã được niêm yết, công khai tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi;Quyết định cưỡng chế thực hiện thu hồi đất đã có hiệu lực thi hành;Người bị cưỡng chế đã nhận được quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành. Trường hợp người bị cưỡng chế từ chối không nhận quyết

định cưỡng chế hoặc vắng mặt khi giao quyết định cưỡng chế thì UBND cấp xã lập biên bản.

-Trình tự ban hành: Căn cứ khoản 2 Điều 11 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02-6-2014 của Bộ tài nguyên môi trường, hồ sơ trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất do phòng TNMT lập: Quyết định thu hồi đất; Văn bản đề nghị cưỡng chế thu hồi đất của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; Báo cáo của UBND cấp xã nơi có đất thu hồi về quá trình vận động, thuyết phục người có đất thu hồi theo quyết định nhưng không chấp hành việc giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; tờ trình kèm theo dự thảo quyết định cưỡng chế thu hồi đất theo mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối chiếu với các điều kiện trên, UBND huyện Th đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật.

Sau khi Luật đất đai 2013 có hiệu lực, Luật đất đai 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành như Nghị định 197/2004, 84/2007, 69/2009, Thông tư 14/2009, Quyết định 40/2009 hết hiệu lực thi hành, việc UBND huyện Thanh Hà áp dụng Luật đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2013 là đúng.

2. Đối với hành vi thực hiện cưỡng chế thu hồi đất:

- Ngày 12-3-2015, Chủ tịch UBND huyện Th ban hành Quyết định số 1905/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất hộ gia đình ông Bùi Hữu C và Quyết định số 1907/QĐ-UBND về thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất.

Ban thực hiện cưỡng chế đã giao Quyết định cưỡng chế, niêm yết Quyết định cưỡng chế theo quy định, thông báo thời gian cưỡng chế và tiến hành vận động, thuyết phục, đối thoại với hộ gia đình ông C. Ban thực hiện cưỡng chế đã xây dựng phương án và tổ chức họp xin ý kiến lãnh đạo UBND huyện, các ngành liên quan tham gia vào phương án tổ chức cưỡng chế, trình UBND huyện phê duyệt. Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị phương tiện, thiết bị, hậu cần phục vụ cưỡng chế. Ban thực hiện cưỡng chế chuẩn bị đầy đủ các biên bản cần sử dụng trước và trong khi tiến hành cưỡng chế.

- Trình tự tổ chức thực hiện cưỡng chế:

Nội dung thực hiện: Thực hiện Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 12-3-2015 của Chủ tịch UBND huyện Th về cưỡng chế thu hồi đất.

Tổ chức cưỡng chế hành chính - tháo dỡ tài sản để thu hồi 34,08 m² đất ao nằm xen kẽ trong khu dân cư thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26 xã Tân An (theo sơ đồ năm 2010) hiện hộ gia đình ông Bùi Hữu C và bà Nguyễn Thị M đang sử dụng. Do không chấp hành Quyết định số 6790 về việc thu hồi đất của gia đình ông Bùi Hữu C và bà Nguyễn Thị M xóm .., thôn Đ, xã T, huyện Th.

Đúng 08 giờ 05 phút, ngày 25-3-2015, Ban thực hiện cưỡng chế tiến hành cưỡng chế đối với gia đình ông C, bà M (có sự hỗ trợ của Công an tỉnh), người làm chứng ông Đỗ Văn V - Trưởng ban thanh tra nhân dân xã T, ông Nguyễn Thế Đ - Thanh tra nhân dân xã T; hộ gia đình có đất bị cưỡng chế thu hồi, diễn biến cụ thể như sau: Ông Ngô Bá Đ - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Th; Phó trưởng ban thường trực - Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất công bố Quyết định cưỡng chế số 1905 về việc cưỡng chế thu hồi đất; Kiểm kê

hiện trạng tài sản trên diện tích đất trước khi tiến hành cưỡng chế thu hồi đất; Tổ chức lực lượng, phương tiện tháo dỡ tài sản trên diện tích đất bị cưỡng chế thu hồi của gia đình ông C, bà M: Tháo dỡ sân bê tông xi măng, nhà bán mái lợp tôn, kèo tre, sắt, tường 110, cây cối. Khi thực hiện cưỡng chế thời gian đầu ông Cung và bà Mai không tự giác chấp hành, có hành vi gây cản trở, buộc lực lượng cưỡng chế và bảo vệ di chuyển các đối tượng ra khỏi khu vực cưỡng chế để việc cưỡng chế đảm bảo, an toàn.

Với các tài liệu, căn cứ nêu trên xác định việc thực hiện cưỡng chế đã tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật đất đai tại Điều 71 Luật đất đai 2013, đảm bảo an toàn về người và các trang thiết bị, việc cưỡng chế thu hồi đất được người dân đồng tình ủng hộ, cưỡng chế thu hồi đất xong tiến hành bàn giao mặt bằng ngay cho đơn vị thi công để thi công công trình. Từ những quan điểm trên, người bị kiện không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 2 Điều 104, khoản 1 Điều 29 Luật tổ tụng hành chính năm 2010; khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 70, Điều 71 Luật đất đai năm 2015; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02-6-2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009: Xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hữu C (tên gọi khác: Bùi Duy C) về yêu cầu xác định Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 12-3-2015 về việc cưỡng chế thu hồi đất và hành vi cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện Th là trái pháp luật. Không xem xét yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện Th phải thực hiện lại công việc đo vẽ, kiểm đếm chính xác và ban hành Quyết định thu hồi đất cùng phương án bồi thường theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Nghị định số 69 về bồi thường giải phóng mặt bằng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các bên.

Ngày 19 và 20/9/2017 ông Cung gửi đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xác định Quyết định hành chính số 1905/QĐ-UBND ngày 12/3/2015 và hành vi thực hiện ngày 25/3/2015 của Chủ tịch UBND huyện Th cưỡng chế thu hồi đất theo quyết định 6790 ngày 23/12/2011 là trái pháp luật; Buộc thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Quá trình xét xử sơ thẩm của TAND huyện Th có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 08/9/2017

của TAND huyện Th để xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ kháng cáo như sau: Cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng là chị Bùi Thị Th (sinh năm 1983), anh Bùi Mạnh H (sinh năm 1986), cháu Tạ Hoàng Ph (cháu ngoại ông C) có tên trong hộ khẩu của gia đình. Tòa án nhân dân huyện Th xác định sai người bị kiện vì việc cưỡng chế thu hồi đất và trách nhiệm thực hiện cưỡng chế thu hồi đất thuộc UBND huyện Th. Do vậy, người bị kiện trong vụ án là Chủ tịch UBND huyện Th ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và UBND huyện Thanh H thực hiện hành vi cưỡng chế thu hồi đất. Trong yêu cầu khởi kiện của ông C, ngoài yêu cầu xem xét tính hợp pháp của đối tượng khởi kiện là Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 1905 và hành vi cưỡng chế thu hồi đất, ông C còn yêu cầu TAND xem xét tính hợp pháp của Quyết định thu hồi số 6790 do UBND huyện Th ban hành ngày 23/12/2011 bởi Quyết định thu hồi này là cơ sở để ban hành Quyết định cưỡng chế số 1905. Quyết định thu hồi đất số 6790/QĐ-UBND được ban hành dựa trên Quyết định thu hồi đất tổng thể số 3083/QĐ-UBND mà Quyết định này đã bị hủy bỏ do trái thẩm quyền. Trong quá trình đánh giá, giải quyết vụ án TAND huyện Th đã không xem xét đến Quyết định số 6790 là không đúng quy định của pháp luật. Do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C là ông B đã chết, tại phiên tòa ông C không đề nghị ai thay thế và vẫn đề nghị ông Trần Văn T - Luật sư văn phòng luật sư Đ tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Th vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về quan điểm giải quyết vụ án, qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh tụng đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 241, 349 Luật tố tụng hành chính, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Hữu C, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Ông C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định tại Điều 206, Điều 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C là ông Nguyễn Thanh B đã chết trước khi mở phiên tòa, tại phiên tòa phúc thẩm ông Cung không đề nghị ai thay thế và vẫn đề nghị ông Trần Xuân T - Luật sư văn phòng luật sư Đ tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện. Người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử

vắng mặt cho nên HĐXX tiến hành giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Đối với nội dung kháng cáo về việc cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì đưa thiếu người tham gia tố tụng, HĐXX xét thấy: Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Cung chỉ ghi "Chứng nhận ông Bùi Duy C được quyền sử dụng 818m² đất tại xã T, huyện N, tỉnh H", trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này không ghi cấp cho hộ gia đình ông C. Do vậy cấp sơ thẩm xác định ông C là người khởi kiện, bà Mai là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định. Đối với chị Th, anh H, cháu Ph là con và cháu ngoại ông C, bà M có tên trong hộ khẩu gia đình ông C không có nghĩa là những nhân khẩu cũng được giao, được cấp quyền sử dụng đất, theo quy định tại khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013. Các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là nhà cấp 4 không bị tháo dỡ, di dời, gia đình ông C vẫn sử dụng bình thường. Hơn nữa ông C không có căn cứ chứng minh anh H, chị Th, cháu Ph có tài sản hoặc công sức đóng góp gì vào khối tài sản bị UBND huyện Th thu hồi, cưỡng chế thu hồi đất. Cấp sơ thẩm không đưa anh H, chị Th, cháu Ph tham gia tố tụng không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ và của các đương sự khác. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của người khởi kiện.

[3] Đối với nội dung kháng cáo cấp sơ thẩm xác định sai tư cách người bị kiện vì Chủ tịch UBND huyện Th ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất, UBND huyện Th thực hiện hành vi cưỡng chế thu hồi đất, HĐXX thấy rằng: Tại khoản 3 Điều 71 của Luật Đất đai quy định "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế". Chủ tịch UBND huyện Th đã ban hành quyết định cưỡng chế và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế, lập ban cưỡng chế, xây dựng kế hoạch cưỡng chế...là những quyết định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện Th, phù hợp với Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Do vậy, nội dung kháng cáo của người khởi kiện không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với nội dung kháng cáo rằng trong quá trình đánh giá, giải quyết vụ án, TAND huyện Th đã không xem xét đến Quyết định số 6790/QĐ-UBND do UBND huyện Th ban hành ngày 23/12/2011 là không đúng quy định của pháp luật, HĐXX xét thấy: Ngày 23-12-2011, UBND huyện Th ban hành Quyết định số 6790 về việc thu hồi đất của ông C, bà M. Đến ngày 17-01-2012, hộ ông C chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và không bàn giao mặt bằng. Ngày 19-01-2012, ông C có đơn khiếu nại. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (có lần phối hợp với UBND xã T) tổ chức đối thoại với các hộ dân còn kiến nghị, trong đó có hộ ông C vào các ngày 21-3-2012, 14-6-2012, 16-6-2012, 02-8-2012 để giải đáp thắc mắc, vận động ông C thực hiện quyết định thu hồi đất. Ngày 28-8-2012, Chủ tịch UBND huyện Th ban hành Quyết định số 2910 giải quyết khiếu nại lần đầu của ông C. Ông C không đồng ý, tiếp tục khiếu nại lần hai. Ngày 01-8-2014, Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 1936 giải quyết khiếu nại, không công nhận 04 nội dung khiếu nại của ông C. Sau đó, ông C cũng không tiến hành khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định thu hồi đất, các quyết định giải quyết khiếu nại tại Tòa án nhân dân theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Do vậy, xác định Quyết định thu hồi đất số 6970/QĐ-

UBND ngày 23-11-2012 của UBND huyện Th và các quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực thi hành. Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 12-3-2015 của Chủ tịch UBND huyện Th là quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đã có hiệu lực thi hành. Như vậy, cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá về tính hợp pháp của quyết định 6970/QĐ-UBND ngày 23-11-2012 của UBND huyện Th. Nội dung kháng cáo này của ông C không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tính hợp pháp của Quyết định cưỡng chế thu hồi đất và thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện Th. HĐXX xét thấy:

[5.1] Về quyết định cưỡng chế thu hồi đất: Sau khi quyết định thu hồi đất có hiệu lực thi hành, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Th đã ba lần có giấy mời ông C, bà M đến nhận tiền đền bù, hỗ trợ do Nhà nước thu hồi đất để nâng cấp, cải tạo đường 390 vào các ngày 18, 22, 29-8-2014 nhưng ông C, bà M không nhận giấy mời, không đến. Ngày 09-10-2014, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có Thông báo số 12 gửi ông C, bà M về việc bàn giao mặt bằng nhưng hộ ông C không bàn giao. Trong quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Th, UBND xã T, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã T đã nhiều lần mời hộ ông C đến làm việc, đối thoại, vận động bằng nhiều hình thức thực hiện công tác tuyên truyền, thuyết phục gia đình ông C nhận tiền bồi thường, bàn giao mặt bằng để thi công đường 390; thể hiện tại các biên bản các ngày 02, 03, 06, 17, 21-10-2014. Tuy nhiên, gia đình ông C vẫn không chấp hành quyết định thu hồi đất. Ngày 13-3-2015, Quyết định số 1905 đã được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã T và nhà văn hóa xóm 1 thôn Đ, xã T, nơi có đất thu hồi. Gia đình ông C đã được nhận Quyết định số 1905 vào ngày 13-3-2015. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định hành chính số 1905/QĐ-UBND: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 71 Luật đất đai năm 2013 quy định: “*Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất*”. Như vậy, Chủ tịch UBND huyện Th ban hành Quyết định số 1905/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất là đúng thẩm quyền. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Th lập hồ sơ trình Chủ tịch UBND huyện Th ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất, bao gồm: Quyết định thu hồi đất số 6970, Văn bản đề nghị cưỡng chế thu hồi đất của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Th ngày 06-3-2015; Báo cáo của UBND xã T ngày 27-11-2014 về quá trình vận động, thuyết phục hộ ông C theo quy định nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Th; Tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Th ngày 10-3-2015 về việc đề nghị cưỡng chế thu hồi đất kèm theo dự thảo quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Căn cứ khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02-6-2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất thì hồ sơ trình Chủ tịch UBND huyện Th để ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất đã đầy đủ theo quy định. Điều luật áp dụng: Tại thời điểm ban hành Quyết định số 1905/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất thì Luật đất đai năm 2013 đã có hiệu lực thi hành, vì vậy Chủ tịch UBND huyện Thanh Hà áp dụng Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013 để ban hành Quyết định số 1905 là đúng quy định. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Quyết định số

1905/QĐ-UBND ngày 12-3-2015 của Chủ tịch UBND huyện Th về việc cưỡng chế thu hồi đất có căn cứ, hợp pháp về hình thức, nội dung, thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

[5.2] Xem xét hành vi hành chính tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất: Về thẩm quyền: Tại khoản 3 Điều 2 của Quyết định số 1905/QĐ-UBND, ghi: “*Giao Ban thực hiện cưỡng chế ...triển khai thực hiện cưỡng chế...*”; Tại khoản 3 Điều 2 của Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 12-3-2015 của Chủ tịch UBND huyện Th về thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất, ghi: “*Ban thực hiện cưỡng chế...hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm , tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ*”. Như vậy, Ban thực hiện cưỡng chế chỉ thành lập và được thực hiện theo vụ việc và tự giải thể khi xong vụ việc; trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế vẫn là của Chủ tịch UBND huyện Th. Căn cứ khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013, Chủ tịch UBND huyện Th ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế, vì vậy xác định hành vi cưỡng chế thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện Th. Về trình tự, thủ tục: Trước khi tiến hành cưỡng chế, ngày 12-3-2015 Chủ tịch UBND huyện Th ban hành Quyết định thành phần Ban thực hiện cưỡng chế, lập phương án cưỡng chế thu hồi đất, phân công nhiệm vụ cho các thành viên và ngày 12-3-2015, UBND huyện Th có Quyết định số 1908 phê duyệt phương án tổ chức cưỡng chế thu hồi đất. Ngày 19-3-2015, Ban thực hiện cưỡng chế đã tổ chức vận động, thuyết phục, đối thoại với ông C, bà M nhưng gia đình không chấp hành quyết định cưỡng chế. Ngày 23-3-2015, ông C đại diện gia đình nhận Thông báo của Ban thực hiện cưỡng chế về việc thực hiện cưỡng chế, trong đó ghi thời gian tổ chức cưỡng chế từ 08 giờ ngày 25-3-2015. Ngày 25-3-2015, Ban thực hiện cưỡng chế tiến hành cưỡng chế (có sự hỗ trợ của Công an tỉnh Hải Dương), kiểm kê hiện trạng tài sản trên diện tích đất, tổ chức lực lượng, phương tiện tháo dỡ tài sản. Do ông C, bà M không tự giác chấp hành, đã cùng người thân có hành vi cản trở nên Ban thực hiện cưỡng chế buộc ông C, bà M và những người trong gia đình di chuyển ra khỏi khu đất cưỡng chế. Sau khi cưỡng chế xong, Ban thực hiện cưỡng chế đã bàn giao đất cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Th để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công cùng ngày 25-3-2015. Toàn bộ trình tự, thủ tục thực hiện cưỡng chế đều đúng theo quy định tại Điều 71 Luật đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện Th là đúng pháp luật do vậy cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án, gia đình ông Bùi Hữu C đã làm thủ tục nhận tiền bồi thường đầy đủ. Cho đến nay toàn bộ khu vực diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông C nói riêng và toàn bộ tuyến đường 390 nói chung đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

[6] Từ nhận định, phân tích ở trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm hành chính theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 349 Luật tổ tụng hành chính, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Bùi Duy C (Bùi Hữu C), giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 70, Điều 71 Luật đất đai năm 2015; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02-6-2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hữu C (tên gọi khác: Bùi Duy C) về yêu cầu xác định Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 12-3-2015 về việc cưỡng chế thu hồi đất và hành vi cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện Th là trái pháp luật.

Không xem xét yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện Th phải thực hiện lại công việc đo vẽ, kiểm đếm chính xác và ban hành Quyết định thu hồi đất cùng phương án bồi thường theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Nghị định số 69 về bồi thường giải phóng mặt bằng.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm hành chính: Ông Bùi Hữu C phải nộp 200.000đ án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/2014/004501 ngày 26-10-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th. Ông C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm hành chính: Ông Bùi Hữu C phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số AB/2014/0000984 ngày 21/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà. Ông C đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương
- VKSND, TAND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ; lưu Tòa.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

NGUYỄN MINH TÂN

